

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	GVHD			GVPB	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				Ý thức/ Chuyên n cần	Nội dung	Tổng		SỐ	CHỮ	
						2	3	5		
				30%	70%					
1	2012719032	Huỳnh Thị Tú Anh	N20DLK	10	9.5	9.7	8.5	9.0	Chín	12246
2	2012719030	Võ Thị Tố Anh	N20DLK	10	8	8.6	8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
3	2012719031	Đặng Ngọc Lan Anh	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
4	1913711410	Nguyễn Đình Bá	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
5	2013719033	Nguyễn Công Định	N20DLK	9	8.5	8.7	8.0	8.3	Tám phẩy Ba	
6	2013719034	Phạm Quang Định	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
7	2013719035	Lê Hoàng Đức	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
8	2013719036	Phan Hoài Đức	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
9	2012719037	Đặng Thùy Dung	N20DLK	8	8.5	8.4	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	12247
10	2013719038	Lê Phúc Duy	N20DLK	10	9	9.3	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
11	2012719039	Võ Thị Mỹ Duyên	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
12	2012719040	Đỗ Thị Ngân Hà	N20DLK	8	8	8.0	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	12248
13	2012719041	Tôn Nữ Ngọc Hằng	N20DLK	8	8.5	8.4	6.0	7.0	Bảy	12243
14	2012719042	Hà Thị Minh Hảo	N20DLK	10	8	8.6	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
15	2012719043	Nguyễn Mai Hương	N20DLK	10	9	9.3	6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
16	2013719044	Trần Đình Huy	N20DLK	9	9	9.0	8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
17	2013719045	Lục Gia Huy	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
18	2012719046	Phạm Ngọc Khanh	N20DLK	10	8	8.6	8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
19	2013719047	Nguyễn Đăng Khánh	N20DLK	10	9.5	9.7	HP	0.0	Không	HP
20	2013719048	Nguyễn Anh Khoa	N20DLK	9	8.5	8.7	8.0	8.3	Tám phẩy Ba	
21	2012719049	Trịnh Thị Thùy Lâm	N20DLK	10	8	8.6	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
22	2012719050	Huỳnh Thị Mỹ Liên	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
23	2013719051	Nguyễn Thành Long	N20DLK	9	9	9.0	7.5	8.1	Tám phẩy Một	
24	2013719052	Trần Ngọc Long	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
25	2013719053	Dương Tấn Luân	N20DLK	8	6.5	7.0	7.0	7.0	Bảy	12229
26	2012719054	Lê Thị Phương Mai	N20DLK	10	9	9.3	9.0	9.1	Chín phẩy Một	
27	2012719056	Nguyễn Thị Trà My	N20DLK	9	8.5	8.7	8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	12245
28	2012719055	Đặng Hiền My	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
29	2013719058	Nguyễn Thế Kỳ Nam	N20DLK	9	8.5	8.7	8.0	8.3	Tám phẩy Ba	19304
30	2013719057	Phan Phụng Hoàng Nam	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
31	2012719059	Huỳnh Thị Kim Nga	N20DLK	9	9	9.0	8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
32	2013719060	Trịnh Hữu Nhân	N20DLK	10	9	9.3	9.0	9.1	Chín phẩy Một	
33	2012719061	Nguyễn Lê Yến Ni	N20DLK	10	8	8.6	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
34	2013719062	Lê Duy Pháp	N20DLK	9	7	7.6	HP	0.0	Không	HP
35	2013719063	Lê Nguyễn Kim Phương	N20DLK	8	8	8.0	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
36	2012719065	Võ Thị Bạch Phượng	N20DLK	8	8.5	8.4	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
37	2012719064	Huỳnh Thị Kim Phượng	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
38	2012719066	Trần Thị Tiên Sa	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
39	2013719067	Phạm Văn Sơn	N20DLK	8	7	7.3	8.5	8.0	Tám	19302

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				BẢNG GHI ĐIỂM				Lớp:		N20DLK
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN				Tín chỉ:		1
TÊN MÔN:				ĐỒ ÁN CƠ SỞ NGÀNH				Học kì:		3
MÃ MÔN:				HOS2246				Lần thi:		1
Ngày thi:				28/09/2015						

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	GVHD			GVPB	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				Ý thức/ Chuyên cần	Nội dung	Tổng		SỐ	CHỮ	
40	2012719068	Lê Bảo Thanh	N20DLK	10	9.5	9.7	9.5	9.6	Chín phẩy Sáu	
41	2012719069	Phạm Thị Thu Thảo	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
42	2013719070	Nguyễn Văn Thiện	N20DLK	9	8	8.3	9.5	9.0	Chín	
43	2012719071	Lê Thị Hoài Thu	N20DLK	8	7.5	7.7	HP	0.0	Không	HP
44	2012719072	Nguyễn Trần Ninh Thuận	N20DLK	9	8	8.3	9.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
45	2012719073	Nguyễn Ngọc Tịnh	N20DLK	7	6	6.3	9.0	7.9	Bảy phẩy Chín	12244
46	2013719074	Nguyễn Ngọc Toàn	N20DLK	8	7	7.3	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
47	1913711527	Phạm Nguyễn Minh Trí	N20DLK	7	7	7.0	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
48	2013719075	Hồ Thăng Trung	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
49	2013719076	Phan Minh Trường	N20DLK	9	7	7.6	8.5	8.1	Tám phẩy Một	
50	2012719077	Phan Nguyễn Mộng Tuyền	N20DLK	10	9	9.3	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	12249
51	2012719078	Đặng Thị Khánh Vân	N20DLK	10	7	7.9	8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
52	2012719079	Trần Thị Thảo Vi	N20DLK	0	0	0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
53	2012719080	Võ Thị Ngọc Vi	N20DLK	8	7.5	7.7	HP	0.0	Không	HP
54	2013719081	Phan Nhật Vỹ	N20DLK	8	7	7.3	8.5	8.0	Tám	19305
55	2012719082	Hồ Thị Hải Yến	N20DLK	8	8	8.0	8.5	8.3	Tám phẩy Ba	19303
1	1813719181	Hà Ngọc Huy Phong	N18DLK4	8	8	8.0	V	0.0	Không	5365
2	1913711403	Nguyễn Đình An	N19DLK	7	5	5.6	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	12207
3	1912711407	Mai Thị Phương Anh	N19DLK2	9	7	7.6	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	2565
4	1913711461	Thái Bình Minh	N19DLK2	8	6	6.6	8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	5353
5	1713719996	Nguyễn Hoàng Vũ	N19DLK2	8	6	6.6	7.5	7.1	Bảy phẩy Một	2566

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	39	
2	Số sinh viên nợ	21	
TỔNG CỘNG :		60	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân